

**BỘ CÔNG THƯƠNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ  
\*\*\*\*\***

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
TIẾNG ANH NGÀNH CÔNG NGHỆ  
KỸ THUẬT Ô TÔ**

**Số tín chỉ: 03**

**Trình độ đào tạo: Đại học**

**Ngành: Công nghệ kỹ thuật Ô tô**

**Năm 2020**

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**Trình độ đào tạo:** Đại học

**Ngành đào tạo:** Công nghệ kỹ thuật Ô tô

- Tên học phần:** Tiếng Anh ngành Công nghệ kỹ thuật Ô tô
- Mã học phần:** TANH 011
- Số tín chỉ:** 3 (3,0)
- Trình độ cho sinh viên:** Năm thứ 3
- Phân bố thời gian:**
  - Lên lớp: 45 tiết lý thuyết, 0 giờ thực hành
  - Tự học: 90 giờ
- Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên đã hoàn thành học phần tiếng Anh 4
- Giảng viên:**

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Đặng Thị Thanh	0345356658	<a href="mailto:Dangthanhhd79@gmail.com">Dangthanhhd79@gmail.com</a>
2	ThS. Phạm Thị Huyền Trang	0977612288	<a href="mailto:Trang.phamhuyen88@gmail.com">Trang.phamhuyen88@gmail.com</a>

### 8. Mô tả nội dung của học phần:

Học phần gồm 14 bài học chú trọng vào việc cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng và thuật ngữ về lĩnh vực kỹ thuật nói chung và kỹ thuật ô tô nói riêng về các chủ điểm: giới thiệu chung về ô tô, các bộ phận ô tô, nội thất ô tô, ngoại thất ô tô, các thông số kỹ thuật, an toàn tại phân xưởng, báo cáo sự cố...

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản môn tiếng Anh chuyên ngành về từ vựng, ngữ pháp và sử dụng các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết ở một số tình huống giao tiếp chuyên ngành đơn giản; đặc biệt chú trọng kỹ năng Đọc hiểu. Cũng cố ngữ pháp cơ bản cũng như cung cấp một số hiện tượng ngữ pháp mới liên quan đến chuyên ngành: Câu ghép, câu phức, thể bị động...

Kết thúc học phần, sinh viên có khả năng đọc-dịch, hiểu được một số tài liệu chuyên ngành, giao tiếp ở mức độ cơ bản.

### 9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:

#### 9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bố mục tiêu học phần trong CTĐT
----------	-------	----------------------------	--------------------------------------

<b>Mục tiêu</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Mức độ theo thang đo Bloom</b>	<b>Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT</b>
<b>MT1</b>	<b>Kiến thức</b>		
MT1.1	Trình bày cách sử dụng các thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, câu bị động, câu mệnh lệnh, so sánh của tính từ...	1	[1.2.1.1b]
MT1.2	Phân biệt các thuật ngữ chuyên ngành về bộ phận ô tô, nội thất và ngoại thất bằng tiếng Anh... Giải thích cách lắp ráp bộ phận, chức năng các bộ phận, các thông số kỹ thuật bằng tiếng Anh...	2	[1.2.1.1b]
<b>MT2</b>	<b>Kỹ năng</b>		
MT2.1	Vận dụng các chủ điểm thông thường trong công việc: Miêu tả một sản phẩm, hướng chuyển động, được các cách lắp ráp bộ phận động cơ ô tô, hệ thống giảm xóc, bộ truyền động, ...	3	[1.2.2.2] [1.2.2.4]
MT2.2	Áp dụng từ vựng, cấu trúc trong các tình huống thông dụng liên quan đến chuyên ngành.	3	[1.2.2.2] [1.2.2.4]
MT2.3	Xây dựng đoạn văn ngắn 150-200 từ, sử dụng các cấu trúc, từ vựng đã học về cách thức sự việc đang xảy ra, hướng dẫn, quy trình....	4	[1.2.2.2] [1.2.2.4]
<b>MT3</b>	<b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b>		
MT3.1	Yêu thích, coi trọng và hứng thú học tập môn học để vận dụng đúng các kiến thức đã học trong các môn học chuyên ngành cũng như các tình huống giao tiếp thực tế trong đời sống xã hội và trong công việc tương lai. Tuân thủ đúng các thuật ngữ và quy tắc dịch thuật chuyên ngành. Rèn luyện tác phong làm việc khoa	3	[1.2.3.1]

<b>Mục tiêu</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Mức độ theo thang đo Bloom</b>	<b>Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT</b>
	học, chuyên nghiệp, chính xác của cán bộ kỹ thuật.		
MT3.2	Sinh viên có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	4	[1.2.3.1]

## 9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

<b>CĐR học phần</b>	<b>Mô tả</b>	<b>Thang đo Bloom</b>	<b>Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT</b>
<b>CĐR1</b>	<b>Kiến thức</b>		
CĐR1.1	Liệt kê được các thuật ngữ chuyên ngành, các bộ phận, thông số kỹ thuật chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật Ô tô.	1	[2.1.3]
CĐR1.2	Giải thích được các quy trình, các vận hành, lắp ráp cơ bản bằng tiếng Anh	2	[2.1.3]
<b>CĐR2</b>	<b>Kỹ năng</b>		
CĐR2.1	Ứng dụng từ vựng, cấu trúc để dịch được các tài liệu chuyên ngành đơn giản.	3	[2.2.8]
CĐR2.2	Giao tiếp được trong lĩnh vực chuyên ngành một cách đơn giản, nói chậm rãi, rõ ràng.	4	[2.2.8]
<b>CĐR3</b>	<b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b>		
CĐR3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.	3	[2.3.1]
CĐR3.2	Có khả năng giao tiếp, thuyết trình và giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	3	[2.3.1]
CĐR3.3	Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	3	[2.3.1]

## 10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
1	Unit 1: Introduction to the car <i>1.1. Factors involved in buying a car</i> <i>1.2 Types of car and car sales</i>	X		X	X	X	X	X
2	Unit 2: Parts <i>2.1. Word list</i> <i>2.2 Naming</i> <i>2.3. Assembling</i>	X		X	X	X	X	X
3	Unit 3: Auto spare parts <i>3.1. Common auto spare part</i> <i>3.2. Practice</i>	X	X	X	X	X	X	X
4	Unit 4: The exterior <i>4.1 Exterior car parts</i> <i>4.2 Car production</i>	X	X	X	X	X	X	X
5	Unit 5: The interior <i>5.1 Interior car parts</i> <i>5.2 A delivery problem</i>	X	X	X	X	X	X	X
6	Unit 6: Movement <i>6.1 Word list</i> <i>6.2 Action</i>	X	X	X	X	X	X	X
7	Unit 7: Flow <i>7.1 Word list</i> <i>7.2 Electrical circuit</i> <i>7.3 Cooling system</i>	X	X	X	X	X	X	X
8	Unit 8: Materials and Specifications <i>8.1 Word list</i> <i>8.2 Materials</i>	X	X	X	X	X	X	X

	<i>8.3 Specifications</i>							
9	Unit 9: Reporting <i>9.1 Damage and loss</i> <i>9.2. Car manufacture</i> <i>9.3. Practice</i>	X	X	X	X	X	X	X
10	Unit 10: Troubleshooting <i>10.1 Word list</i> <i>10.2 Operation</i>	X	X	X	X	X	X	X
11	Unit 11: Safety <i>11.1 Rules and warnings</i> <i>11.2 Safety hazards</i>	X	X	X	X	X	X	X
12	Unit 12: Cause and effect <i>12.1 Pistons and valves</i> <i>12.2 Safety hazards</i>	X	X	X	X	X	X	X
13	Unit 13: Checking and confirming <i>13.1. Reading</i> <i>13.2 Speaking</i> <i>13.3 Practice</i>	X	X	X	X	X	X	X
14	Unit 14: Action <i>14.1 Team work</i> <i>14.2 Training</i>	X	X	X	X	X	X	X

## 11. Đánh giá học phần

### 11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CDR1	Bài tập thường xuyên, bài thuyết trình, bài kiểm tra giữa học phần
CDR2	Bài tập thực hành, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần
CDR3	Bài tập thường xuyên, bài thuyết trình, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần

**11.2. Cách tính điểm học phần:** Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
-----	-----------------	----------	----------	---------

1	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên, điểm bài tập	1 điểm	20%	
2	Kiểm tra giữa học phần	1 điểm	30%	
3	Thi kết thúc học phần	Hình thức: Tự luận Thời gian: 90 phút	50%	

### **11.3. Phương pháp đánh giá**

- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên được đánh giá thông qua ý thức học tập, tỉ lệ hiện diện, tinh thần tác phong xây dựng bài, tinh thần thực hiện chủ đề tự học.

- Điểm thực hành hội thoại được đánh giá theo các nội dung: Trình bày nội dung hội thoại theo chủ đề, cách sử dụng từ vựng, cấu trúc, phát âm, ngữ điệu và tư thế, tác phong, ngôn ngữ cơ thể khi thực hành hội thoại.

- Kiểm tra giữa học phần diễn ra vào tuần số 8, trong quá trình kiểm tra sinh viên chỉ được dùng bút mực hoặc bi và giấy nháp trắng. Nội dung kiểm tra giữa học phần gồm 6 câu hỏi với các yêu cầu: Hoàn thành câu, viết lại câu, hoàn thành đoạn văn, đọc hiểu, dịch. Điểm chấm được đánh giá theo đáp án.

- Thi kết thúc học phần theo kế hoạch tiến độ đào tạo. Sinh viên được giảng viên phụ đạo ít nhất 1 buổi trước khi thi. Đề thi được trưởng bộ môn đề xuất cấu trúc đề và kết hợp với phòng QLCL chọn ngẫu nhiên trong ngân hàng câu hỏi và được in sao đề tại phòng QLCL và đóng dấu niêm phong. Trong quá trình thi sinh viên không được sử dụng tài liệu và chỉ được dùng bút mực hoặc bi và giấy nháp trắng để làm bài. Đề thi kết thúc học phần sinh viên làm ngay trên giấy A4 được thiết kế theo mẫu riêng theo yêu cầu của học phần. Nội dung thi kết thúc học phần gồm 6 câu hỏi với các yêu cầu: Hoàn thành câu, viết lại câu, hoàn thành đoạn văn, đọc hiểu, dịch. Điểm chấm được đánh giá theo đáp án trong ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần đã được phê duyệt, ban hành.

### **12. Phương pháp dạy và học**

Tại lớp học lý thuyết, giảng viên hướng dẫn sinh viên đọc từ vựng, giải thích cách sử dụng từ, cấu trúc câu, cách chia động từ..., hướng dẫn sinh viên làm bài tập vận dụng; sau đó tóm tắt nội dung của bài học. Giảng viên cũng trình bày phân tích cấu trúc và lấy ví dụ minh họa. Sinh viên cần lắng nghe và ghi chép và được khuyến khích tích cực thực hành các kỹ năng dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Trong quá trình thực hành hội thoại giảng viên định hướng cho sinh viên học tập theo theo định hướng năng lực thực hiện: Hội thoại đóng vai nhân vật kết hợp với thể hiện tác phong của nhân vật tham gia hội thoại. Tăng cường hoạt động tự học của sinh viên bằng các hoạt động bài tập nhóm, thuyết trình...

Tại các phòng học thực hành ngoại ngữ, giảng viên tổ chức cho sinh viên luyện kỹ năng nghe thông qua phần mềm multimedia để sinh viên luyện nghe tốt hơn. Giảng

viên quan tâm tới việc hình thành và phát triển kỹ năng cho sinh viên theo cấp độ từ Nhớ- Biết-Vận dụng-Phân tích- Đánh giá-Sáng tạo, quan tâm tới công tác hướng dẫn, đánh giá thường xuyên và tổ chức lớp học hiệu quả. Đối với sinh viên tích cực, chủ động nắm bắt kiến thức lý thuyết để vận dụng và phát triển kỹ năng, tư duy trong việc thực hiện nhiệm vụ do giảng viên yêu cầu, đồng thời sinh viên phải thể hiện được sự linh hoạt, nhanh nhạy chính xác trong liên hệ giữa các thuật ngữ, nội dung chuyên ngành với cách trình bày, diễn đạt trong ngoại ngữ. Chủ động tiếp cận với các phương pháp học trực tuyến, các công cụ hỗ trợ dịch thuật, các tài liệu chuyên ngành bằng tiếng Anh với sự trợ giúp của công nghệ và tích cực trong giờ tự học ở nhà.

### 13. Yêu cầu học phần

- Yêu cầu về nghiên cứu tài liệu: Đọc thêm các tài liệu bằng tiếng Anh liên quan đến chuyên ngành.

- Yêu cầu về làm bài tập: Làm đầy đủ các bài tập ứng dụng trong giờ quá trình học, tham gia phát biểu xây dựng bài

- Yêu cầu về thái độ học tập: Chuẩn bị đầy đủ tài liệu và dụng cụ trước khi đến lớp. Thực hiện tốt chủ đề tự học. Ghi chép và tích cực làm bài tập được giao tại lớp.

- Yêu cầu về chuyên cần: Sinh viên tham dự ít nhất 80% thời lượng học phần theo yêu cầu. Sinh viên vắng mặt trên 20% giờ học không được phép thi kết thúc học phần

- Yêu cầu về kiểm tra giữa kỳ và thi cuối kỳ: Sinh viên vắng thi sẽ bị điểm 0 ngoại trừ trường hợp vắng thi có lý do chính đáng theo quy chế quản lý các hoạt động đào tạo của trường Đại học Sao Đỏ.

### 14. Tài liệu phục vụ học phần:

#### - Tài liệu bắt buộc:

[1] Giáo trình *Tiếng Anh ngành Công nghệ Kỹ thuật Ô tô*, trường Đại học Sao Đỏ, in lưu hành nội bộ, 2018

#### - Tài liệu tham khảo:

[2] Marie Kavanagh (2003). *English for automotive industry*, Oxford University Press

[3] Từ điển Anh - Việt, Việt - Anh

### 15. Nội dung chi tiết học phần:

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
1	<p><b>Unit 1: Introduction to the car</b></p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <p>- Trình bày từ vựng chủ đề các nhân tố liên quan đến việc mua, bán xe, các loại xe;</p>	3		<p>[1]</p> <p>[2]</p> <p>[3]</p>	<p>- Tra từ mục 1.1. và mục 1.2. tài liệu [1];</p> <p>- Làm bài tập c trang 2; bài tập b, c trang 4 tài liệu [1];</p> <p>- Làm bài tập 4, 5 trang</p>



Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	<p>- Hội thoại chủ đề mua, bán xe; - Đọc hiểu và sử dụng thành thạo động các động từ thì hiện tại đơn.</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b> <b>1.1. Factors involved in buying a car</b> 1.1.1 Warm - up 1.1.2 Listening <b>1.2 Types of car and car sales</b> 1.2.1 Listening 1.2.2 Speaking 1.2.3 Practice</p>				5, tài liệu [2].
2	<p><b>Unit 2: Parts</b> <b>Mục tiêu:</b> - Trình bày cấu trúc hỏi tên đồ vật, cấu trúc câu bị động, từ vựng về các thiết bị, dụng cụ trong xưởng; - Hội thoại hỏi đáp về tên đồ vật và công dụng, cách lắp ráp đồ vật đó.</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b> <b>2.1. Word list</b> <b>2.2 Naming</b> 2.2.1 Structure 2.2.2 Speaking <b>2.3. Assembling</b> 2.3.1 Structure 2.3.2 Speaking</p>	3		[1] [2] [3]	<p>- Tra từ mục 2.1. tài liệu [1]; - Làm bài tập mục 2.1. trang 8, mục 2.3. trang 9 - 10 tài liệu [1]; - Làm bài tập 7, 8, trang 12, 13 tài liệu [2].</p>

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
3	<p><b>Unit 3: Auto spare parts</b></p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày các từ vựng về các phụ tùng dự phòng của xe;</li> <li>- Luyện đọc hiểu các bước thay lốp xe.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>3.1. Common auto spare part</p> <p>3.2. Practice</p>	3		[1] [2] [3]	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tra từ mục 3.1. tài liệu [1];</li> <li>- Làm bài tập mục 3.1 trang 17 - 18 tài liệu [1];</li> <li>- Đọc bài đọc trang 15 tài liệu [2].</li> </ul>
4	<p><b>Unit 4: The exterior</b></p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày từ vựng chỉ các bộ phận bên ngoài xe, cấu trúc câu bị động, các từ nối mô tả quá trình;</li> <li>- Luyện đọc hiểu, nghe hiểu về các bước sản xuất xe.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p><b>4.1 Exterior car parts</b></p> <p><b>4.2 Car production</b></p> <p>4.2.1 Reading</p> <p>4.2.2 Listening</p> <p>4.2.3 Speaking</p> <p>4.2.4 Further reading</p>	3		[1] [2] [3]	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tra từ mục 4.1. tài liệu [1];</li> <li>- Làm bài tập mục 4.2 trang 22 - 25 tài liệu [1];</li> <li>- Làm bài tập 2, 3 trang 18 tài liệu [2].</li> </ul>

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
5	<p><b>Unit 5: The interior</b></p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày từ vựng chỉ các bộ phận bên trong xe, cách diễn đạt khi viết thư;</li> <li>- Đọc hiểu và luyện viết thư điện tử phản nàn về việc giao hàng.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p><b>5.1 Interior car parts</b></p> <p><b>5.2 A delivery problem</b></p> <p>5.2.1 Listening</p> <p>5.2.2 Speaking</p> <p>5.2.3 Writing</p> <p>5.2.3 Reading</p>	3		[1] [2] [3]	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tra từ mục 5.1. tài liệu [1];</li> <li>- Làm bài tập mục 5.1. và mục 5.2. trang 28 - 31 tài liệu [1];</li> <li>- Đọc bài đọc trang 22 tài liệu [2].</li> </ul>
6	<p><b>Unit 6: Movement</b></p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được quá trình vận hành, chuyển động của xe ô tô bằng tiếng Anh</li> <li>- Hội thoại về các bước vận hành xe.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p><b>6.1 Word list</b></p> <p><b>6.2 Action</b></p> <p>6.2.1 Reading</p> <p>6.2.2 Speaking</p> <p>6.2.3 Writing</p> <p>6.2.4 Practice</p>	3		[1] [2] [3]	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tra từ mục 6.1. tài liệu [1];</li> <li>- Làm bài tập mục 6.2. trang 36 - 38 tài liệu [1];</li> <li>- Làm bài tập 2,3 trang 27 tài liệu [2].</li> </ul>
7	<p><b>Unit 7: Flow</b></p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc được các thông số kỹ</li> </ul>	3		[1] [2] [3]	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tra từ mục 7.1. tài liệu [1];</li> <li>- Làm bài tập mục 7.2.</li> </ul>

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	thuật bằng tiếng Anh về dòng điện, hệ thống làm mát - Nghe, hội thoại được các tình huống thực tế về điện xe. <b>Nội dung cụ thể:</b> <b>7.1 Word list</b> <b>7.2 Electrical circuit</b> 7.2.1 Listening 7.2.2 Reading <b>7.3 Cooling system</b> 7.3.1 Speaking 7.3.2 Reading 7.3.3 Practice				và 7.3 trang 43 - 46 tài liệu [1]; - Làm bài tập 1, 2 trang 32 tài liệu [2].
8	Kiểm tra giữa học phần	3		[1] [2] [3]	Ôn tập từ vựng ngữ pháp từ Unit 1 đến unit 7
9	<b>Unit 8: Materials and Specifications</b> <b>Mục tiêu:</b> - Trình bày từ vựng chủ đề vật liệu, đặc tính của vật liệu và cấu trúc diễn đạt các thông số kỹ thuật, cấu trúc câu bị động; - Luyện đọc hiểu về xe đua: Vật liệu cấu thành và đặc tính của các vật liệu đó; - Luyện hội thoại hỏi đáp về vật liệu và đặc tính vật liệu, các thông số kỹ thuật. <b>Nội dung cụ thể:</b> <b>8.1 Word list</b> <b>8.2 Materials</b> 8.2.1 Reading 8.2.2 Speaking	3		[1] [2] [3]	- Tra từ mục 8.1. tài liệu [1]; - Làm bài tập mục 8.2. và 8.3 trang 49 - 54 tài liệu [1]; - Làm bài tập 1, 2 trang 55 - 56 tài liệu [1].

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	8.2.3 Practice <b>8.3 Specifications</b> 8.3.1 Listening 8.3.2 Practice				
10	<b>Unit 9: Reporting</b> <b>Mục tiêu:</b> - Trình bày được các lỗi sai hỏng có thể gặp phải trong quá trình sản xuất ô tô - Nghe, hội thoại được các tình huống sai hỏng <b>Nội dung cụ thể:</b> <b>9.1 Damage and loss</b> 9.1.1 Listening 9.1.2 Speaking <b>9.2. Car manufacture</b> 9.2.1 Linking words 9.2.2 Reading <b>9.3. Practice</b>	3		[1] [2] [3]	- Tra từ mục 9.1. và 9.2. tài liệu [1]; - Làm bài tập mục 9.3. trang 63 - 64 tài liệu [1]; - Đọc bài đọc trang 46 tài liệu [2].
11	<b>Unit 10: Troubleshooting</b> <b>Mục tiêu:</b> - Trình bày từ vựng chỉ sự cố và cách giải quyết sự cố, ôn tập thì hiện tại đơn; - Luyện nghe, hội thoại hỏi đáp về sự cố và giải quyết sự cố; - Luyện đọc hiểu về hệ thống cung cấp nhiên liệu của xe. <b>Nội dung cụ thể:</b> <b>10.1 Word list</b> <b>10.2 Operation</b> 10.2.1 Listening 10.2.2 Speaking	3		[1] [2] [3]	- Tra từ mục 10.1. và 10.2. tài liệu [1]; - Làm bài tập mục 10.2. trang 66 - 68 tài liệu [1]; - Làm bài tập 4, 5 trang 62 - 63 tài liệu [2].

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	10.2.3 Practice				
12	<p><b>Unit 11: Safety</b></p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu và nêu được các cảnh báo nguy hiểm cũng như các quy tắc an toàn trong nhà xưởng.</li> <li>- Nghe, hội thoại được trong các tình huống khẩn cấp trong an toàn lao động.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p><b>11.1 Rules and warnings</b></p> <p>11.1.1 Listening</p> <p>11.1.2 Reading</p> <p><b>11.2 Safety hazards</b></p> <p>11.2.1 Listening</p> <p>11.2.2 Speaking</p> <p>11.2.3 Writing</p>	3		[1] [2] [3]	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tra từ mục 11.1. và 11.2. tài liệu [1];</li> <li>- Làm bài tập mục 11.1. trang 70 - 71, bài tập mục 11.2. trang 74 tài liệu [1];</li> <li>- Đọc bài đọc trang 71 tài liệu [2].</li> </ul>
13	<p><b>Unit 12: Cause and effect</b></p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được các mối quan hệ giữa các bộ phận và quy trình vận hành ô tô (pít tông, van...)</li> <li>- Viết được đoạn văn miêu tả quy trình vận hành theo biểu đồ.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p><b>12.1 Pistons and valves</b></p> <p>12.1.1 Reading</p> <p>12.1.2 Writing</p> <p><b>12.2 Safety hazards</b></p> <p>12.2.1 Listening</p> <p>12.2.2 Reading</p>	3		[1] [2] [3]	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tra từ mục 12.1. và 12.2. tài liệu [1];</li> <li>- Làm bài tập mục 12.1. và mục 12.2. trang 75 - 78 tài liệu [1];</li> <li>- Làm bài tập 1, 2 trang 75 tài liệu [2].</li> </ul>

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	12.2.3 Speaking 12.2.4 Practice				
14	<p><b>Unit 13: Checking and confirming</b></p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày cấu trúc so sánh, thì quá khứ đơn và thì hiện tại hoàn thành;</li> <li>- Luyện hội thoại kiểm tra và xác nhận thông tin;</li> <li>- Luyện đọc hiểu so sánh động cơ xăng và động cơ diesel.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p><b>13.1. Reading</b></p> <p>13.1.1 Reading 1 13.1.2 Reading 2</p> <p><b>13.2 Speaking</b></p> <p><b>13.3 Practice</b></p>	3		[1] [2] [3]	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tra từ mục 13.1. và 13.3. tài liệu [1];</li> <li>- Làm bài tập mục 13.3. trang 90 - 91 tài liệu [1];</li> <li>- Đọc bài đọc trang 78 tài liệu [2].</li> </ul>
15	<p><b>Unit 14: Action</b></p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được các nội dung liên quan đến làm việc nhóm, đào tạo dạy nghề trong sản xuất ô tô</li> <li>- Hội thoại được về việc phân công công việc và trách nhiệm theo nhóm.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p><b>14.1 Team work</b></p> <p>14.1.1 Warm - up 14.1.2 Reading</p> <p><b>14.2 Training</b></p> <p>14.2.1 Listening 14.2.2 Speaking</p>	3		[1] [2] [3]	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tra từ mục 14.1. và 14.2. tài liệu [1];</li> <li>- Làm bài tập mục 14.1. trang 94 - 95, bài tập mục 14.2. trang 97 - 100 tài liệu [1];</li> <li>- Làm bài tập 2, 3 trang 82 tài liệu [2].</li> </ul>

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	14.2.3 Reading 14.2.4 Practice				
16	<b>Ôn thi kết thúc học phần</b>			[1] [2] [3]	- Hệ thống lại các kiến thức từ vựng, ngữ pháp từ unit 1 đến unit 14; - Hoàn thành bài tập trong đề cương ôn tập.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**



*[Handwritten signature]*

*[Handwritten signature]*

*[Handwritten signature]*

**TS. Nguyễn Thị Kim Nguyễn**

**Nguyễn Đăng Tiến**

**Trịnh Thị Chuyên**